

Bản án số: 35/2025/DS-PT

Ngày: 08/5/2024.

V/v: "Tranh chấp hợp đồng tín dụng"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đào Anh Đức;

Các Thẩm phán: Bà Trương Thị Anh; Ông Lê Ngọc Lâm.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trịnh Thu Trang - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa:
Bà Mai Thị Xuyên - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 5 năm 2025, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 13/2025/TLPT ngày 28 tháng 02 năm 2025 về việc: "Tranh chấp hợp đồng tín dụng", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 20/2025/QĐ-PT ngày 11 tháng 4 năm 2025, giữa:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng thương mại cổ phần S.

Địa chỉ: Số B N, phường V, quận C, thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Đức Thạch D - Chức vụ: Giám đốc. *Vắng mặt.*

Đại diện theo ủy quyền: Công ty TNHH MTV Q và khai thác tài sản Ngân hàng S (Công ty S1);

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phan Tấn D1 - Chức vụ: Chủ tịch kiêm Tổng giám đốc. *Vắng mặt.*

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Thanh H - Chức vụ: Nhân viên Ngân hàng TMCP S. *Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.*

Địa chỉ: Tầng G, F N, phường L, quận Đ, thành phố Hà Nội.

2. Bị đơn: Chị Ngô Thị N, sinh năm 1986; *Có mặt.*

Địa chỉ: Thôn G, xã V, huyện N, tỉnh Thanh Hóa.

Người kháng cáo: Nguyên đơn Ngân hàng TMCP S.

NỘI DUNG VỤ ÁN

* Theo đơn khởi kiện ngày 21/9/2023, bản tự khai ngày 16/12/2024, nguyên đơn trình bày:

Ngày 16/12/2016, chị N có ký với Ngân hàng TMCP S (gọi tắt là Ngân hàng) Hợp đồng tín dụng (Bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng). Căn cứ thu nhập của chị N, Ngân hàng đã đồng ý cấp thẻ số thẻ 486265 - 8878 với hạn mức sử dụng là 15.000.000 đồng với mục đích tiêu dùng cá nhân.

Sau khi được cấp Thẻ tín dụng, chị N đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 22.416.665 đồng. Trong quá trình sử dụng thẻ, từ ngày kích hoạt thẻ đến nay chị N có thanh toán số tiền 21.885.599 đồng cho Ngân hàng (Thứ tự thanh toán theo Điều 20 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng trừ phí - lãi trước, kể từ ngày chuyển nợ quá hạn sẽ thanh toán theo thứ tự gốc trước, lãi sau). Qua nhiều lần làm việc, nhắc nhở nhưng chị N vẫn không có thiện chí trả nợ. Do chị N vi phạm nghĩa vụ thanh toán (Điều 2 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng), ngày 01/5/2019 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn (Điều 23 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng). Lãi suất quá hạn: $2.15\% \times 150\% = 3.225\%/tháng$.

Mặc dù Ngân hàng đã yêu cầu chị N có trách nhiệm thanh toán, tuy nhiên chị N vẫn chưa thanh toán khoản nợ vay quá hạn cho Ngân hàng, vi phạm các điều khoản đã quy định tại hợp đồng đã ký. Do đó, để bảo vệ quyền lợi hợp pháp của Ngân hàng, Ngân hàng TMCP S yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc chị N phải trả ngay cho Ngân hàng tổng số tiền tính đến ngày xét xử phúc thẩm 08/5/2025, như sau:

Nợ gốc 9.030.511 đồng; Lãi quá hạn: 21.357.600 đồng; Tổng cộng: 30.388.111 đồng (Bằng chữ: Ba mươi triệu ba trăm tám mươi tám nghìn một trăm mười một đồng).

Cách tính lãi quá hạn như sau:

Lãi ngày: $9,030,511 \text{ đồng} \times 3.225\%/30 = 9708 \text{ đồng}$.

Số ngày quá hạn: từ ngày 01/5/2019 đến ngày 08/5/2025 = 2200 ngày

Lãi quá hạn: $9708 \text{ đồng} \times 2200 \text{ ngày} = 30.388.111 \text{ đồng}$.

** Tại bản tự khai ngày 09/12/2024, và tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn chị Ngô Thị N trình bày:*

Năm 2016, chị có mở tài khoản tín dụng của Ngân hàng thương mại cổ phần S để mua trả góp điện thoại, chị có đóng lãi và phí cho Ngân hàng. Khoảng năm 2019, do hoàn cảnh khó khăn, và vào thời điểm dịch bệnh Covid, nên chị không thể tiếp tục đóng lãi và phí cho Ngân hàng, chị cũng không còn nhớ mình còn khoản vay này. Từ đó đến nay chị cũng không được nhận điện thoại hay tin nhắn nào từ phía Ngân hàng. Nay Ngân hàng yêu cầu chị phải trả số nợ gốc 9.030.511 đồng và số tiền lãi, chị đồng ý trả số nợ gốc 9.030.511 đồng cho Ngân

hàng. Còn số tiền lãi chị không đồng ý trả cho Ngân hàng, chị đề nghị Tòa án căn cứ các quy định của pháp luật để giải quyết.

Tại bản án sơ thẩm số 21/2024/DS-ST ngày 26 tháng 12 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Ngọc Lặc, tỉnh Thanh Hóa đã Quyết định:

Căn cứ: Điều 91, Điều 95 Luật tổ chức tín dụng số 47/2010/QH12 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 17/2017/QH14; khoản 2 Điều 210 Luật các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15; Điều 429, Điều 155, Điều 357 của Bộ luật Dân sự; Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 24, Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Buộc Chị Ngô Thị N phải trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần S số tiền gốc còn nợ theo thẻ tín dụng 486265 - 8878 là 9.030.511 đồng (Chín triệu, không trăm ba mươi nghìn, năm trăm mười một đồng).

Bác yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc chị Ngô Thị N trả số tiền lãi 20.066.436 đồng. (Hai mươi triệu, không trăm sáu sáu nghìn, bốn trăm ba sáu đồng).

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về lãi suất chậm trả, án phí dân sự sơ thẩm và giành quyền kháng cáo theo quy định.

Ngày 21 tháng 01 năm 2025, TAND huyện Ngọc Lặc nhận được đơn kháng cáo của nguyên đơn với nội dung:

Kháng cáo bản án dân sự sơ thẩm số 21/2024/DS-ST ngày 26/12/2024 của Tòa án nhân dân huyện Ngọc Lặc, tỉnh Thanh Hóa, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ nội dung yêu cầu khởi kiện của ngân hàng.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người kháng cáo giữ nguyên kháng cáo và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Các bên không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Kiểm sát viên VKSND tỉnh Thanh Hóa tham phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án:

Về thủ tục tố tụng, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký đã tuân thủ đảm bảo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự tại cấp phúc thẩm.

Về nội dung, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, quyết định theo hướng: Chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn, sửa bản án sơ thẩm số 21/2024/DS-ST ngày 26/12/2024 của Tòa án nhân dân huyện Ngọc Lặc, tỉnh Thanh Hóa theo hướng buộc bị đơn phải thanh toán toàn bộ nợ gốc và lãi quá hạn cho Ngân hàng

Về án phí: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét theo quy định của pháp luật.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ và kiểm tra chứng cứ căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật, thẩm quyền giải quyết:

Ngân hàng TMCP S yêu cầu chị Ngô Thị N phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo Hợp đồng tín dụng (Bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng). Tranh chấp giữa nguyên đơn và bị đơn là tranh chấp về hợp đồng tín dụng thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn chị Ngô Thị N có địa chỉ cư trú tại xã V, huyện N, tỉnh Thanh Hóa nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Ngọc Lặc theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, nguyên đơn kháng cáo trong thời hạn quy định nên được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

Về sự vắng mặt của đương sự tại phiên tòa: Nguyên đơn Ngân hàng TMCP S là người kháng cáo có Đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt đối với nguyên đơn.

[2] Xét kháng cáo của nguyên đơn, thấy rằng:

[2.1] Về thời hiệu khởi kiện

Kể từ ngày 01/5/2019, chị N vi phạm nghĩa vụ trả tiền và Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ của chị N, thời điểm đó quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn bị xâm phạm. Ngày 25/9/2023, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc chị N phải thanh toán toàn bộ nợ gốc và nợ lãi cho Ngân hàng. Từ ngày 01/5/2019 đến ngày Ngân hàng khởi kiện 25/9/2023 là 04 năm 04 tháng 24 ngày. Theo quy định tại khoản 2 Điều 155 Bộ luật Dân sự thì Tòa án không áp dụng thời hiệu khởi kiện trong trường hợp “*Yêu cầu bảo vệ quyền sở hữu...*”.

Khoản 2 Điều 184 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 quy định: “*Tòa án chỉ áp dụng quy định về thời hiệu theo yêu cầu áp dụng thời hiệu của một bên hoặc các bên với điều kiện yêu cầu này phải được đưa ra trước khi Tòa án cấp sơ thẩm ra bản án, quyết định giải quyết vụ việc. Người được hưởng lợi từ việc áp dụng thời hiệu có quyền từ chối áp dụng thời hiệu, trừ trường hợp việc từ chối đó nhằm mục đích trốn tránh thực hiện nghĩa vụ*”.

Tại giai đoạn xét xử sơ thẩm, nguyên đơn và bị đơn không yêu cầu áp dụng về thời hiệu theo quy định tại khoản 2 Điều 184 Bộ luật tố tụng dân sự. Vì vậy, Tòa án sơ thẩm áp dụng thời hiệu để không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về số tiền lãi quá hạn là chưa chính xác.

[2.2] Về yêu cầu khởi kiện

Các đương sự đều thừa nhận, ngày 16/12/2016, chị Ngô Thị N có ký với Ngân hàng Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng). Căn cứ thu nhập của chị N, Ngân hàng đã đồng ý cấp

thẻ tín dụng số 486265 - 8878 với hạn mức sử dụng là 15.000.000 đồng. Trong quá trình sử dụng thẻ, chị N đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 22.416.665 đồng và đã thanh toán số tiền 21.885.599 đồng cho Ngân hàng. Kể từ ngày 01/5/2019, chị N không thực hiện hợp đồng, Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ của chị N và chuyển dư nợ 9.030.511 đồng sang nợ quá hạn. Như vậy, kể từ ngày 01/5/2019, chị N phải có nghĩa vụ thanh toán các khoản nợ trong hợp đồng tín dụng giữa chị N và Ngân hàng.

Theo chị N trình bày, kể từ ngày 01/5/2019 đến nay chị N không nhận được điện thoại hoặc tin nhắn của Ngân hàng yêu cầu trả nợ. Theo Điều 7 Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng TMCP S có nội dung: *“Hàng tháng, đơn vị phát hành thẻ sẽ gửi cho chủ thẻ một thông báo theo địa chỉ do chủ thẻ cung cấp, ngoại trừ không có bất kỳ giao dịch nào phát sinh trên tài khoản thẻ. Nếu địa chỉ để gửi thông báo không thể tiếp cận được bởi đơn vị phát hành thẻ, thì đơn vị phát hành thẻ có quyền sử dụng những địa chỉ khác mà đơn vị phát hành thẻ đã được thông báo.*

Ngày gửi thông báo do đơn vị phát hành thẻ ấn định và sẽ thông báo cho chủ thẻ khi phát hành thẻ. Thông báo sẽ được xem như là đã được nhận bởi chủ thẻ hàng tháng trừ khi chủ thẻ thông báo với đơn vị phát hành thẻ rằng không nhận được thông báo trong vòng 10 ngày đầu từ ngày ra thông báo.

Thông báo sẽ được xem là đúng, chính xác trừ khi chủ thẻ thông báo bằng văn bản cho đơn vị phát hành thẻ bất kỳ sai sót nào trong vòng 10 ngày kể từ ngày ra thông báo”.

Bị đơn chị Ngô Thị N không có văn bản ý kiến nào đối với Ngân hàng về việc không nhận được thông báo, vì vậy, căn cứ Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng, chị N đã nhận được thông báo. Chị N vi phạm nghĩa vụ thanh toán đối với Ngân hàng, vì vậy có nghĩa vụ thanh toán các khoản nợ gốc và nợ lãi theo yêu cầu của Ngân hàng là có căn cứ.

Theo Bản tự khai của Ngân hàng TMCP S ngày 07/5/2025, chị N phải thanh toán cho Ngân hàng tổng số tiền tính đến ngày xét xử phúc thẩm 08/5/2025, như sau:

Nợ gốc 9.030.511 đồng; Lãi quá hạn: 21.357.600 đồng; Tổng cộng: 30.388.111 đồng (Bằng chữ: Ba mươi triệu ba trăm tám mươi tám nghìn một trăm mười một đồng).

Cách tính lãi quá hạn như sau:

Lãi ngày: $9.030.511 \text{ đồng} \times 3.225\% / 30 = 9708 \text{ đồng}$

Số ngày quá hạn: từ ngày 01/05/2019 – 08/05/2025 = 2200 ngày

Lãi quá hạn: $9708 \text{ đồng} \times 2200 \text{ ngày} = 30.388.111 \text{ đồng}$.

Vì vậy, Tòa án cấp phúc thẩm chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, buộc chị N phải thanh toán cho Ngân hàng số tiền gốc và lãi quá hạn như trên là có căn cứ.

[3] Về án phí: Đơn khởi kiện, đơn kháng cáo của nguyên đơn được chấp nhận, Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm nên nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và án phí dân sự phúc thẩm. Trả lại cho nguyên đơn tiền tạm ứng án phí đã nộp. Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và án phí dân sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 2 Điều 308; Điều 309; khoản 2 Điều 148; khoản 2 Điều 184; khoản 1 Điều 227; Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự. Khoản 2 Điều 155; Điều 357 Bộ luật Dân sự. Điều 91; Điều 95 Luật tổ chức tín dụng số 47/2010/QH12; khoản 2 Điều 210 Luật các tổ chức tín dụng số 32/2024 QH15. Điều 26; khoản 2 Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận đơn kháng cáo của Ngân hàng TMCP S.

1. Sửa bản án dân sự sơ thẩm số 21/2024/DSST ngày 26/12/2024 của Tòa án nhân dân huyện Ngọc Lặc, tỉnh Thanh Hóa.

Buộc chị Ngô Thị N phải trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần S tổng số tiền là 30.388.111 đồng (*Bằng chữ: Ba mươi triệu, ba trăm tám mươi tám nghìn, một trăm mười một đồng*), trong đó số tiền gốc là 9.030.511 đồng; lãi quá hạn: 21.357.600 đồng.

Kể từ ngày nguyên đơn có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong các khoản tiền, hàng tháng chị Ngô Thị N còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền chưa thi hành án theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

Bản án thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

2. Về án phí:

- Hoàn trả cho Ngân hàng TMCP S số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm dân sự đã nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu số 0002507 ngày 07/02/2025 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Ngọc Lặc, tỉnh Thanh Hóa; và 603.000đ (Sáu trăm linh ba nghìn đồng) tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu tiền số 0012523 ngày 19/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội.

- Chị Ngô Thị N phải chịu 1.519.406đ (Một triệu năm trăm mười chín nghìn, bốn trăm linh sáu đồng) án phí dân sự sơ thẩm và 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự phúc thẩm.

3. Các Quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Thanh Hoá;
- TAND huyện Ngọc Lặc;
- VKSND huyện Ngọc Lặc;
- Chi cục THADS Ngọc Lặc;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đào Anh Đức